TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa

Ngày 05/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Trần Bé H, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp TQ, xã TT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2.Bị đơn: Huỳnh Thị K, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp TQ, xã TT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Bé H: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với bị đơn chị Huỳnh Thị K do chị K thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm anh dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, hiện vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay

Về con chung Trần Thị Thu N anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị K trình bày: Chị đồng ý ly hôn với anh H do quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hiện vợ chồng không còn chung sống. Chị đồng ý giao con chung cho anh H nuôi dưỡng chị không cấp dưỡng nuôi con và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh H và chị K tự nguyện đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76/KH ngày 05/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã TT; anh chị có 01 con chung tên Trần Thị Thu N, sinh ngày 25/7/2006 theo giấy khai sinh số 24/KS quyền 01/2008 ngày 27/02/2008 Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

Các tình tiết mà các đương sự thống nhất: Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên thống nhất ly hôn, giao con chung Trần Thị Thu N cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quyền yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TO theo quy định tại điều 28 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ các điều 227; điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét lời trình bày của các đương sự đã thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị K không tham gia các phiên hòa giải tại Tòa án chứng tỏ chị K không còn quan tâm đến việc đoàn tụ gia đình và chị K cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét việc nguyên đơn yêu cầu được nuôi cháu Trần Thị Thu N không yêu cầu chị K cấp dưỡng là phù hợp các điều 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình, bởi vì từ khi anh H và chị K không còn chung sống với nhau, anh H trực tiếp nuôi con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N được chị K đồng ý.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm : Miễn toàn bộ án phí cho anh Trần Bé H do thuộc diện hộ nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Bé H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn anh Trần Bé H được ly hôn với bị đơn chị Huỳnh Thị K.

2. Về nuôi con: Tiếp tục giao con chung Trần Thị Thu N, sinh ngày 25/7/2006 cho anh H nuôi dưỡng, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho anh Trần Bé H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Trường Thọ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện cùng cấp;
- UBND xã TT (Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 05/9/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.